

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2018/HS-ST**
Ngày 04-05-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn.

Ông Bùi Ngọc S.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:

Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03, 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 03 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 04 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Xuân H** - Tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1976.

Nơi đăng ký HKTT: Thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Khu M, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Kinh doanh (Chủ hộ kinh doanh M H).

Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Trình độ học vấn: 12/12.

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bố đẻ: Đỗ Bảo N, sinh năm 1940 là cán bộ nghỉ hưu.

Mẹ đẻ: Vũ Thị C, sinh năm 1948 là cán bộ nghỉ hưu.

Đều ở: Khu M, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 3.

Vợ: Đào Thị H, sinh năm 1984. Là cán bộ y tế xã N, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Con: có 3 con, lớn sinh 2008, nhỏ sinh tháng 5/2017.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại. Có mặt

* Ngồi có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Thành L** - Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện LN, Bắc Giang.

2. **Ngọc TH S** - Sinh năm 1987.

- Địa chỉ: Khu L – Thị trấn C – huyện LN- Bắc Giang.

3. **Dương Đình M** - Sinh năm 1985.

- Địa chỉ: Khu làng C - Thị trấn C – huyện LN- Bắc Giang.

4. **Tăng Văn H** - Sinh năm 1985.

- Địa chỉ: Thôn M – xã N – huyện LN - Bắc Giang.

5. **Nguyễn Hồng H** - Sinh năm 1982.

-Địa chỉ: Khu Tr - Thị trấn C – huyện LN- Bắc Giang

6. Ông **Đặng Xuân Th** - Sinh năm 1973.

-Địa chỉ: Khu tập thể Trường Tiểu học xã Giáp S, huyện LN, Bắc Giang.

7. Ông **Nguyễn Bá A** - Sinh năm 1960.

-Địa chỉ: Thôn B - Xã T - Huyện LN - Tỉnh Bắc Giang.

8. Ông **Thân Văn K** - Sinh năm 1980.

-Địa chỉ: Khu Qu - Thị trấn C – huyện LN- Bắc Giang.

9. **Phùng Tiến Ng** - Sinh năm 1969.

-Địa chỉ: Cầu N - xã P - Huyện LN - Tỉnh Bắc Giang.

Tất cả những Ngồi có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quen biết xã hội nên **Đỗ Xuân H** chủ cửa hàng buôn bán nội thất MH tại khu Minh Khai, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn đã bán tổng cộng 86 số hóa đơn bán hàng nhưng không có hàng hóa, dịch vụ đi kèm. Trong đó H bán cho **Ngọc Thanh S** 58 số hóa đơn; bán cho **Dương Đình M** 21 số hóa đơn; **Tăng Văn H**

05 số hóa đơn; Nguyễn Hồng H 02 số hóa đơn, Thu được tổng cộng 147.126.696 đồng tiền bán hóa đơn. S, M, H, H đã sử dụng số hóa đơn này rút tổng cộng 4.963.806.065 đồng tiền dự toán Ngân sách nhà nước cấp cho trường Tiểu học Giáp S, trường Trung học cơ sở ND, trường Trung học cơ sở PM và Ủy ban nhân dân xã Ph để chiếm đoạt và sử dụng sai mục đích.

Ngọc Thanh S kế toán trường tiểu học xã Giáp S, Dương Đình M kế toán trường Trung Học cơ sở xã ND, Nguyễn Hồng H kế toán Ủy ban nhân dân xã P, Tăng văn H kế toán trường Trung học cơ sở xã PM. Những Người này đã đến gặp và trao đổi với H là xuất khống hóa đơn bán hàng cho họ với lý do đã mua bán hàng hóa tại nơi khác nhưng không có hóa đơn làm thủ tục thanh toán, nhờ tài khoản của H để chuyển tiền vào. Sau đó H rút tiền chuyển lại cho những Người này. H thu của S, M là 3%. Thu của H 2.5%, Th của H 4.5% giá trị ghi trên hóa đơn bán hàng và được H đồng ý. Cụ thể:

Từ tháng 03/2014 đến tháng 8/2016 H đã xuất khống cho Ngọc Thanh S tổng cộng 58 số hóa đơn bằng 3.649.157.500 đồng $\times 3\% = 109.474.725$ đồng. Trong đó năm 2014 H Xuất cho S 13 hóa đơn bằng 446.865.000 đồng, Th tiền bán hóa đơn là 3% bằng 13.405.500 đồng. Năm 2015 bán cho S 15 hóa đơn bằng 1.022.357.500 đồng, Th tiền bán hóa đơn là 3% bằng 30.670.725 đồng. Năm 2016 bán cho S 30 hóa đơn bằng 2.179.950.000 đồng, Th tiền bán hóa đơn là 3% bằng 65.398.500 đồng.

Từ tháng 4 /2016 đến tháng 6/2016 H xuất cho Dương Đình M tổng số 21 số hóa đơn bằng 1.005.274.565 đồng. Trong đó năm 2015 bán 13 hóa đơn bằng 621.985.565 đồng, trong số 13 hóa đơn này H chỉ Thu tiền bán hóa đơn của 11 số. Riêng số hóa đơn 0015950 ngày 16/12/2015 trị giá 19.640.000 đồng có phần hàng hóa thật M đã mua ở cửa hàng của H và số hóa đơn 0015930 ngày 01/12/2015 giá trị 92.831.000 thì M không chuyển vào tài khoản của H mà chuyển cho người khác thực hiện, nhưng H vẫn kê khai nộp thuế cho hai hóa đơn này. Số tiền H đã thu của 11 hóa đơn là 509.514.565 đồng Thu 3% là 15.285.436 đồng. Năm 2016 H bán 08 số hóa đơn bằng 510.720.000 đồng trong đó có số hóa đơn 0052857 M còn lập thêm một bộ chứng từ khống khác để thanh toán số tiền 19.850.000 đồng chuyển vào tài khoản của H nên vẫn thu 3% số tiền này. Số tiền H đã Th của M là 510.720.000 đồng $\times 3\% + 19.850.000$ đồng $\times 3\% = 15.917.100$ đồng. Tổng số tiền H thu của từ việc bán hóa đơn cho M là: 31.202.536 đồng.

Từ ngày 14/3/2016 đến ngày 18/10/2016 H bán cho Tăng Văn H 05 số hóa đơn với số tiền là 86.900.000 đồng. H thu của Tăng Văn H $2.5\% = 2.172.500$ đồng.

Ngày 26/01/2015 H bán số hòa đơn trị giá 48.651.000 đồng và ngày 19/6/2015 H bán hóa đơn giá trị 46.392.000 đồng cho Nguyễn Hồng H. Tổng số tiền là 95.043.000 đồng. H thu 4.5% giá trị ghi trên hóa đơn $= 4.276.935$ đồng.

Tại bản kết luận giám định số 369/KL-PC54 ngày 10/3/2017 và số 853/KL-PC54 ngày 06/6/2017 xác định chữ ký ghi tên Đỗ Xuân H trên các hóa đơn bán hàng, hợp đồng kinh tế, biên bản bàn giao kiêm thanh lý hợp đồng gửi giám định và chữ ký của Đỗ Xuân H trên các mẫu tài liệu so sánh là do cùng một Người ký ra.

Trong vụ án này các đối tượng liên quan là Ngọc Thanh S, Dương Đình M, Tăng Văn H đã có hành vi lập chứng từ quyết toán khống rút tiền ngân sách trong các năm 204; 215; 2016. Hành vi của S, M, H đã bị cơ quan pháp luật xử lý theo quy định.

Đối với Phùng Tiến Ng là chủ tịch xã P chỉ đạo Nguyễn Hồng H mua 02 hóa đơn rút tiền ngân sách, sau đó sử dụng vào mục đích khác đã bị cơ quan công an huyện Lục Ngạn khởi tố.

Đối với các ông Đặng Xuân Th, hiệu trưởng trường tiểu học giáp S. Nguyễn Bá A, hiệu trưởng trường Trung học cơ sở xã ND. Thân Văn K, hiệu trưởng trường Trung học cơ sở xã PM đều khẳng định không có việc mua hàng hóa như nội dung thể hiện trên các hóa đơn bán hàng với Đỗ Xuân H. Hành vi trên của ông Th, A, K không cần thiết phải xử lý bằng biện pháp hình sự nên cơ quan điều tra đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý hành chính nên không đặt ra xử lý những người này. Những người này đã bị Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn ra các Quyết định xử lý kỷ luật cán bộ và huyện Ủy Lục Ngạn đã xử lý về mặt Đảng theo quy định.

Trong quá trình điều tra, truy đó Đỗ Xuân H đã tự nguyện nộp 105.629.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKS-P3 ngày 23/03/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo **Đỗ Xuân H** về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Phát biểu luận tội tại phiên toà, Kiểm sát viên đã phân tích, đánh giá về tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự 2015 năm xử phạt:

Đỗ Xuân H từ 200 triệu đồng đến 250 triệu đồng.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 105.629.000 đồng.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án bị cáo **Đỗ Xuân H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo **Đỗ Xuân H** đã thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo về hành vi mua bán trái phép hóa đơn là đúng, không bị oan sai, bị cáo không có tranh luận gì đối với tội danh và hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm mức tiền phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định của cơ quan điều tra và Điều tra Viên, của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292; Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi phạm tội:

Căn cứ lời khai của bị cáo, căn cứ vào lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, căn cứ vào biên bản bản kết luận giám định số 369/KL-

PC54 ngày 10/3/2017 và số 853/KL-PC54 ngày 06/6/2017 và các chứng khác có trong hồ sơ vụ án. Có thể khẳng định lời khai nhận tội của bị cáo Đỗ Xuân H tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn khách quan và phù hợp. Có đủ căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 10 năm 2016 Đỗ Xuân H là chủ kinh doanh M H đã bán hóa đơn khống cho Ngọc Thanh S, Dương Đình M, Tăng Văn H, Nguyễn Hồng H là những kế toán các trường học trên địa bàn huyện LN và kế toán xã P. H đã bán hóa đơn khống cho những người này mà không thông qua việc mua bán hàng hóa thật tại cửa hàng của H để thu lợi bất chính từ việc thu số phần trăm ghi trên giá trị hóa đơn. H đã bán tổng cộng 86 hóa đơn bán hàng và thu được tổng số tiền 147.126.696 đồng bán hóa đơn. Trong đó từ tháng 3 /2014 đến tháng 8/2016 H bán khống cho Ngọc Thanh S tổng cộng 58 hóa đơn bằng $3.649.157.5000 \text{ đồng} \times 3\% = 109.474.725 \text{ đồng}$. Từ tháng 4/2015 đến tháng 6/2016 H xuất khống cho Dương Đình M 21 hóa đơn bằng 1.005.274.565 đồng. Năm 2016 H bán cho Tăng Văn H 5 số hóa đơn với số tiền $86.900.000 \text{ đồng} \times 2.5\% = 2.172.500 \text{ đồng}$. Năm 2015 H bán khống cho Nguyễn Hồng H 02 số hóa đơn với số tiền là $95.043.000 \text{ đồng} \times 4.5\% = 4.276.935 \text{ đồng}$. Từ việc bán hóa đơn khống của H đã tạo điều kiện cho S, M, H, H sử dụng số hóa đơn này để rút tổng cộng 4.963.806.065 đồng tiền dự toán ngân sách nhà nước để chiếm đoạt và sử dụng sai mục đích. Do đó hành vi của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 tương ứng với Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử bị cáo theo điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Xuân H được thực hiện và bị cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố trước khi Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 và công văn số 04/TANDTC-PC ngày 9/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 thì quy định về hình phạt của khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có quy định thay đổi có lợi hơn cho người phạm tội so với quy định tại khoản 2 điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hành vi của bị cáo là hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa phương. Đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh, xã hội tại địa phương. Gây thiệt hại đến chính sách quản lý thuế và thiệt hại đến Ngân sách của nhà nước với số tiền lớn. Bị cáo biết rõ việc mua bán hóa đơn không cho những Người khác mà không qua việc mua bán hàng thực tế tại cửa hàng gia đình bị cáo kinh doanh là vi phạm pháp luật. Nhưng vì động cơ vụ lợi bị cáo vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Việc truy tố bị cáo tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy cần phải có hình phạt tương xứng với tính và hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm bảo đảm tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để khắc phục hậu quả. Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Trong quá trình hoạt động kinh doanh bị cáo được Cục trưởng cục Thuế tỉnh Bắc Giang tặng thưởng giấy khen về hoạt động kinh doanh đóng thuế đầy đủ. Bị cáo có bố mẹ đẻ là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân huy chương đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Căn cứ vào những tình tiết như đã phân tích, xét thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội. Vì bị cáo phạm tội nhằm vào mục đích kinh tế do vậy chỉ cần xử phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp. Vì đã phạt tiền là hình phạt chính nên không cần phải phạt bổ sung đối với bị cáo nữa. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Đối với hành vi của Ngọc Thanh S, Dương Đình M, Tăng Văn H, Phùng Tiến Ng, Nguyễn Hồng H đã bị cơ quan pháp luật xử lý theo quy định. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

Đối với các ông Đặng Xuân Th, hiệu trưởng trường tiểu học giáp S. Nguyễn Bá A, hiệu trưởng trường Trung học cơ sở xã ND. Thân Văn K, hiệu trưởng trường Trung học cơ sở xã PM. Những người này đã bị Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn ra các Quyết định xử lý kỷ luật cán bộ và huyện Ủy Lục Ngạn đã xử lý

về mặt Đảng theo quy định. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trách nhiệm những Người này

[5] Về xử lý vật chứng: **Đối với số tiền bị cáo nộp 105.629.000 đồng mục đích để khắc phục hậu quả. Trong số tiền này có số tiền bị cáo nộp thừa bị cáo xác định không xin lại. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch Th tổng số tiền 105.629.000 sung quỹ nhà nước.**

[6] Về án phí: Bị cáo Đỗ Xuân H pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 3, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Xuân H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

1.Căn cứ điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt:

Đỗ Xuân H số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

2.Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch Th sung công quỹ nhà nước số tiền 105.629.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Xuân H pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời điểm chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND sát tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Các bị cáo; Người bị hại;
- Ngời có QLNV liên quan;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng